TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 31/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị L**, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh **Nông Thiêm Ch**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vi Thị L, sinh năm 1991 và anh Nông Thiêm Ch, sinh năm 1985.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vi Thị L và anh Nông Thiêm Ch nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vi Thị L và anh Nông Thiêm Ch nhất trí thỏa thuận giao con chung là Nông Vi Ph, sinh ngày 14/10/2013 cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (c*on khỏe mạnh, phát triển bình thường).*

Sau khi ly hôn chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nông Thiêm Ch không yêu cầu chị Vi Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị L và anh Nông Thiêm Ch xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Chị Vi Thị L và anh Nông Thiêm Ch xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. *Về án phí:* Áp dụng Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Vi Thị L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* mà chị L đã nộp theo biên lai số 08711, ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị L được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh Nông Thiêm Ch không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND huyện B (01b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- Đương sự (02b);
- UBND xã Q(01b);
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thế Doanh